

Số: 914/KH-SGDĐT

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục
năm học 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;
- Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT);
- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo;
- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;
- Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT: Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-

BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

- Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế cán bộ, công chức và số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền địa phương năm 2026;

- Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Người được tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn theo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và vị trí cần tuyển, trong chỉ tiêu số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, dân chủ và đúng quy định của pháp luật.

III. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

1. Thực trạng biên chế

1.1. Biên chế cấp mầm non:

- Tổng biên chế được giao năm 2026: 8.170
- Tổng biên chế hiện có: 8.123
- Biên chế được giao chưa sử dụng: 47

1.2. Biên chế cấp tiểu học:

- Tổng biên chế được giao năm 2026: 9.345
- Tổng biên chế hiện có: 9.118
- Biên chế được giao chưa sử dụng: 227

1.3. Biên chế cấp THCS:

- Tổng biên chế được giao năm 2026: 7.309
- Tổng biên chế hiện có: 7.113
- Biên chế được giao chưa sử dụng: 196

1.4. Biên chế cấp THPT:

- Tổng biên chế được giao năm 2026: 3.702
- Tổng biên chế hiện có: 3.636
- Biên chế được giao chưa sử dụng: 66

2. Chỉ tiêu tuyển dụng theo vị trí việc làm (được xác định trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số biên chế được giao chưa sử dụng và số lượng viên chức còn thiếu so với định mức), cụ thể:

2.1. Vị trí Giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26): **20** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 1*.

2.2. Vị trí Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29): **186** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 2*.

2.3. Vị trí Giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.32): **151** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 3*.

2.4. Vị trí Giáo viên THPT hạng III (mã số V.07.05.15): **49** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 4*.

2.5. Vị trí Kế toán viên trung cấp hạng IV (mã số V.06.032): **01** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 5*.

2.6. Vị trí Văn thư viên trung cấp (mã số 02.008): **07** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 5*.

2.7. Vị trí Viên chức Thiết bị, thí nghiệm (mã số V.07.07.20): **01** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 5*.

2.8. Vị trí Thư viện viên hạng IV (mã số: V.10.02.07): **01** chỉ tiêu, chi tiết tại *Phụ lục 5*.

IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1.1. Điều kiện chung

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.

1.2. Điều kiện theo từng đối tượng tuyển dụng

1.2.1. Tuyển dụng theo chính sách thu hút nhân tài quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP (Đối tượng 1)

Ngoài việc đáp ứng điều kiện chung, phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển;

- Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và thuộc một trong các trường hợp đạt thành tích cá nhân sau:

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lí, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ GDĐT công nhận.

*** Lưu ý:**

- Người dự tuyển thuộc Đối tượng 1 được đăng ký dự tuyển vào tất cả các vị trí việc làm có chỉ tiêu tuyển dụng.

- Đối với các chỉ tiêu tuyển dụng **giáo viên dạy môn chuyên** tại Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn và Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp (chi tiết tại Phụ lục 4), chỉ thực hiện tuyển dụng Đối tượng 1, không tuyển dụng các đối tượng khác cho các chỉ tiêu này. Các vị trí tuyển dụng khác từ cấp mầm non đến phổ thông, sau khi thực hiện tuyển dụng Đối tượng 1, nếu vẫn còn chỉ tiêu thì các chỉ tiêu này sẽ tuyển dụng các đối tượng còn lại.

1.2.2. Tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (Đối tượng 2)

- Ngoài việc đáp ứng điều kiện chung, đối tượng tiếp nhận phải đáp ứng các quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

(1) Người có đủ 05 năm công tác trở lên đang làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật. Trong đó:

Xem xét tiếp nhận đối với các trường hợp đã có hợp đồng lao động (đủ thời gian theo quy định) tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa bàn tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, và có hợp đồng tại một đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong năm học 2025–2026. *Số lượng chỉ tiêu vị trí việc làm thực hiện tiếp nhận viên chức theo Đối tượng 2 được quy định chi tiết tại các phụ lục 1, 2, 3, 4, 5.*

Thời gian công tác là thời gian làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Trường hợp thời gian tập sự, thử việc tại công việc đang làm theo quy định của pháp luật ít hơn thời gian tập sự của công việc được tiếp nhận quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì thời gian chênh lệch ít hơn này được tính vào thời gian tập sự.

Trường hợp có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn.

(2) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của pháp luật, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

- Người được xem xét tiếp nhận phải tham gia sát hạch về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trước khi quyết định tiếp nhận.

1.2.3. Tuyển dụng viên chức theo hình thức xét tuyển quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (Đối tượng 3)

Đáp ứng các quy định về điều kiện chung tại điểm 1.1 khoản 1 mục IV này.

1.3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được sửa đổi tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

- Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

- Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

1.4. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

1.5. Đối tượng được đăng ký 2 nguyện vọng dự tuyển

- Người dự tuyển theo Đối tượng 3 được đăng ký 02 nguyện vọng cùng vị trí việc làm vào 02 trường khác nhau trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Đối với dự tuyển vị trí giáo viên: 02 nguyện vọng dự tuyển phải cùng môn học và cấp học;

+ Đối với dự tuyển vị trí nhân viên: cùng vị trí nhân viên (không yêu cầu cùng cấp học).

- Người dự tuyển chỉ được công nhận trúng tuyển ở một nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên đã đăng ký.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của từng vị trí tuyển dụng

- Vị trí Giáo viên mầm non hạng III - V.07.02.26: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

- Vị trí Giáo viên tiểu học hạng III - V.07.03.29: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.

- Vị trí Giáo viên trung học cơ sở hạng III - V.07.04.32: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.

- Vị trí Giáo viên trung học phổ thông hạng III - V.07.05.15: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.

- Vị trí Kế toán viên trung cấp hạng IV (mã số V.06.032): Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán; ngành Tài chính – Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính tín dụng.

- Vị trí Văn thư viên trung cấp (mã số 02.008): Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư.

- Vị trí Viên chức Thiết bị, thí nghiệm (mã số V.07.07.20): Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học.

***Lưu ý:** Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của từng vị trí việc làm dự kiến tuyển dụng được quy định cụ thể tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 đính kèm.*

3. Tiêu chuẩn về năng lực ngoại ngữ, tin học

Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG, NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Xét tuyển Đối tượng 1 (theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP)

- Vòng 1: Xét kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có) của người dự tuyển đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP. Nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Phỏng vấn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức: Vấn đáp.

+ Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian: 30 phút (người dự tuyển có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian phỏng vấn);

+ Thang điểm: 100 điểm.

* *Lưu ý: Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả vấn đáp.*

2. Tiếp nhận Đối tượng 2 (theo quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023), thực hiện theo trình tự sau:

(1) Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự sát hạch.

(2) Sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận.

- Hình thức: Sát hạch thông qua bài viết (tự luận).

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian: 180 phút.

- Thang điểm: 100 điểm.

3. Xét tuyển Đối tượng 3 (theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức thi: Thi viết (Tự luận).

+ Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian thi: 180 phút.

+ Thang điểm: 100 điểm.

4. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển

4.1. Đối tượng 1:

- Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

+ Có điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

+ Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại điểm 1.3 mục 1 phần IV Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm;

- Trường hợp 02 người trở lên có tổng số điểm (gồm điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển, ưu tiên theo thứ tự sau:

(1) Người có trình độ tiến sĩ;

(2) Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới;

(3) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước.

4.2. Đối tượng 2:

- Người trúng tuyển (được tiếp nhận) phải có đủ các điều kiện sau:

+ Đáp ứng các quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Có kết quả sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên;

+ Có số điểm sát hạch cộng với điểm ưu tiên được quy định tại điểm 1.3 mục 1 phần IV Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu của vị trí việc làm cần tuyển dụng;

- Trường hợp 02 người trở lên có tổng số điểm (gồm điểm sát hạch cộng với điểm ưu tiên) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi sát hạch cao hơn là người trúng tuyển.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển, ưu tiên theo thứ tự sau:

(1) Có trình độ chuyên môn đăng ký dự tuyển cao hơn;

(2) Xếp loại tốt nghiệp cao hơn;

(3) Có điểm học tập trung bình toàn khóa cao hơn;

(4) Người có thời gian hợp đồng ở vị trí việc làm cần tuyển dài hơn.

4.3. Đối tượng 3:

- Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

(1) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

(2) Có số điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên được quy định tại điểm 1.3 mục 1 phần IV Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, theo từng nhóm dự tuyển; thứ tự tuyển dụng theo nhóm như sau:

+ Đối với vị trí việc làm giáo viên môn Khoa học tự nhiên: xét tuyển trước người có bằng đại học sư phạm Khoa học tự nhiên; nếu vẫn còn chỉ tiêu thì mới xét tuyển người có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm Vật lý, Đại học sư phạm Hoá học hoặc Đại học sư phạm Sinh học (theo phân môn đăng ký dự tuyển); nếu vẫn còn chỉ tiêu mới xét tuyển người có bằng tốt nghiệp Đại học các ngành Vật lý, Hoá học, Sinh học và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (theo phân môn đăng ký dự tuyển);

+ Đối với vị trí việc làm giáo viên môn Lịch sử và Địa lí: xét tuyển trước người có bằng tốt nghiệp đại học Lịch sử và Địa lí; nếu vẫn còn chỉ tiêu thì xét tuyển người có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm Lịch sử hoặc Đại học sư phạm Địa lý (theo phân môn đăng ký dự tuyển); nếu vẫn còn chỉ tiêu mới xét tuyển người có bằng Đại học các ngành Lịch sử hoặc ngành Địa lí và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (theo phân môn đăng ký dự tuyển);

+ Đối với các vị trí việc làm còn lại: Xét tuyển trước nhóm người dự tuyển có bằng tốt nghiệp thuộc ngành đào tạo giáo viên; nếu vẫn còn chỉ tiêu thì mới xét đến người có bằng tốt nghiệp không thuộc ngành đào tạo giáo viên.

- Trường hợp 02 người trở lên có tổng số điểm (gồm điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển, ưu tiên theo thứ tự sau:

- (1) Có trình độ chuyên môn cao hơn;
- (2) Xếp loại tốt nghiệp cao hơn;
- (3) Có điểm học tập trung bình toàn khóa cao hơn.

4.4. Trường hợp đăng ký 02 nguyện vọng nhưng không trúng tuyển ở nguyện vọng 01 thì được xét ở nguyện vọng 02 nếu vị trí việc làm đăng ký ở nguyện vọng 02 vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết nguyện vọng 01, bao gồm cả việc xét nguyện vọng của người có kết quả trúng tuyển thấp hơn liền kề theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Trường hợp có 02 người trở lên bằng điểm nhau ở nguyện vọng 02 thì người trúng tuyển được xác định theo điểm 4.3 mục 4 phần V Kế hoạch này.

4.5. Trường hợp vị trí việc làm vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết người tham gia dự tuyển theo các nguyện vọng hoặc vị trí việc làm không có người đăng ký dự tuyển thì căn cứ vào kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Giám đốc Sở GDĐT quyết định tuyển dụng (theo nguyện vọng đăng ký bổ sung) đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn có cùng tiêu chuẩn, điều kiện với vị trí việc làm tại đơn vị còn chỉ tiêu tuyển dụng, cùng Hội đồng tuyển dụng, cùng áp dụng hình thức thi viết vòng 2. Người được tuyển dụng trong trường hợp này được xác định theo quy định nêu tại điểm 4.3 mục 4 phần V Kế hoạch này.

5. Người không được tuyển dụng trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VI. TRÌNH TỰ, HỒ SƠ, LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG

1. Trình tự thực hiện tuyển dụng

(1) Thực hiện tuyển dụng trước các đối tượng thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (**Đối tượng 1**);

(2) Nếu còn chỉ tiêu, thực hiện tiếp nhận đối tượng theo quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023) (**Đối tượng 2**);

(3) Nếu vẫn còn chỉ tiêu, thực hiện tuyển dụng các đối tượng còn lại theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023) (**Đối tượng 3**).

*** Lưu ý:**

- Một người dự tuyển có thể đồng thời đăng ký tuyển dụng theo nhiều đối tượng khác nhau (**Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3**) nếu đảm bảo điều kiện quy định của từng đối tượng.

- Sau khi thông báo kết quả trúng tuyển của mỗi đối tượng (**Đối tượng 1 và Đối tượng 2**), Hội đồng tuyển dụng sẽ thông báo chỉ tiêu tuyển dụng còn lại của từng vị trí việc làm. Người dự tuyển được đăng ký điều chỉnh nguyện vọng dự tuyển (trong trường hợp nguyện vọng đã đăng ký không còn chỉ tiêu và còn chỉ tiêu cùng vị trí việc làm ở đơn vị khác) theo thông báo của Hội đồng tuyển dụng.

2. Hồ sơ dự tuyển

2.1. Đối tượng 1:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01;
- 01 (một) bộ hồ sơ (ngoài bì ghi rõ thông tin cá nhân và các loại giấy tờ bên trong), gồm:

(1) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có liên quan và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Các văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài yêu cầu nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trong trường hợp trên bằng tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nước ngoài không ghi rõ loại thì bổ sung các tài liệu chứng minh kết quả học tập của người dự tuyển đạt loại xuất sắc theo xếp loại của trường (ví dụ: Bảng đánh giá xếp loại của trường; thư xác nhận của trường là đạt loại xuất sắc);

(2) Bằng khen, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực chứng minh đạt giải cá nhân trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học đáp ứng quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP;

(3) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

(4) Bản sao Giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

2.2. Đối tượng 2:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01;
- 01 (một) bộ hồ sơ (ngoài bì ghi rõ thông tin cá nhân và các loại giấy tờ bên trong), gồm:

(1) Các hợp đồng lao động (bản sao có chứng thực) ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật (trong đó có hợp đồng lao động trong năm học 2025 - 2026), bản sao các quyết định hoặc văn bản liên quan đến tiền lương (nếu có) *(không áp dụng đối với đối tượng tại điểm e)*;

(2) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại vị trí hợp đồng 05 năm gần nhất *(không áp dụng đối với đối tượng tại điểm e)*;

(3) Sao kê quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc *(không áp dụng đối với đối tượng tại điểm e)*;

(4) Bản sao (có chứng thực) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có);

(5) Bản sao (có chứng thực) Quyết định cử đi học của UBND tỉnh Quảng Bình hoặc UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) *(không áp dụng đối với đối tượng tại điểm a)*;

(6) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo quy định hiện hành được lập trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

(7) Bản sao (có chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ có liên quan và bảng điểm học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

(8) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận;

(9) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác (nếu có).

2.3. Đối tượng 3:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01;
- Bản sao (có chứng thực) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có);

- Bản sao (có chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ có liên quan và bảng điểm học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

3. Hoàn thiện hồ sơ sau khi trúng tuyển

3.1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non, bằng tốt nghiệp đại học sư phạm (hoặc bằng Đại học và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm), bằng thạc sĩ (nếu có) theo yêu

cầu của vị trí dự tuyển, bảng điểm học tập toàn khoá đại học (trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật ra tiếng Việt và được kiểm định qua Cục Khảo thí thuộc Bộ GDĐT); Chứng chỉ khung năng lực ngoại ngữ theo quy định đối với giáo viên tiếng Anh; các chứng chỉ, chứng nhận (hoặc quy định chuẩn đầu ra) về năng lực tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nói chung (nếu có);

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên của các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, được bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

** Lưu ý: Đối với các đối tượng dự tuyển đã nộp hồ sơ về Hội đồng tuyển dụng thì chỉ cần bổ sung các loại hồ sơ còn thiếu theo quy định trên.*

3.2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Giám đốc Sở GDĐT ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở GDĐT thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

4. Lệ phí tuyển dụng

- Thực hiện theo quy định tại mục I Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Mức thu tạm thời khi nộp hồ sơ dự tuyển: 300.000 đồng/thí sinh/lần đăng ký dự tuyển (mức thu có thể được điều chỉnh tăng tùy theo số lượng người dự tuyển của từng đối tượng).

- Thí sinh nộp lệ phí tuyển dụng khi nộp hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển hoặc nộp qua số tài khoản được Hội đồng tuyển dụng thông báo.

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.

VII. THỦ TỤC TUYỂN DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

1.1. Sở GDĐT đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở GDĐT.

1.2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- a) Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm;
- b) Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc xét tuyển;
- c) Tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng đăng ký dự tuyển;

d) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận hồ sơ, Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển;

đ) Hình thức, nội dung xét tuyển; thời gian và địa điểm xét tuyển.

1.3. Người đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ, Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT hoặc gửi theo đường bưu chính đến (*số 187 Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị*). Trường hợp gửi qua đường bưu chính, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ/Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục.

1.4. Thời hạn nhận hồ sơ, Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai.

2. Công tác tổ chức tuyển dụng

(1) Giám đốc Sở GDĐT thành lập Hội đồng tuyển dụng và Ban Giám sát. Thành phần Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

(2) Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập các ban và bộ phận giúp việc để thực hiện công tác tuyển dụng. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc.

(3) Tổ chức xét tuyển

- Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở Sở GDĐT; trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

3. Thời gian thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng	12/3/2026	Báo và Đài PTTH Quảng Trị; Cổng thông tin điện tử Sở; niêm yết tại trụ sở Sở GDĐT	
2	Tiếp nhận hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển	Từ 12/3/2026 đến ngày 11/4/2026	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT Quảng	Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
			Trị (số 187 Hữu Nghị, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị).	
3	Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát và các ban, bộ phận giúp việc	Trước 06/4/2026		
4	Thông báo danh mục tài liệu ôn tập, cấu trúc đề thi.	Trước 06/4/2026	Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT	
5	Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; thông báo kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển vòng 2.	- Trước 16/4/2026 đối với Đối tượng 1 và Đối tượng 2; - Trước 14/5/2026 cho Đối tượng 3.	Trụ sở Sở GDĐT Quảng Trị; Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT	
6	Tổ chức vấn đáp (vòng 2) Đối tượng 1;	Trước 24/4/2026	Đơn vị đặt địa điểm theo Thông báo của Sở GDĐT	<i>Người dự thi vòng 2 có mặt theo thông báo triệu tập, khi đi mang theo bản chính CCCD.</i>
7	Tổ chức sát hạch Đối tượng 2	Trước 05/5/2026		
8	- Thông báo kết quả phỏng vấn Đối tượng 1; - Tiếp nhận Hồ sơ tuyển dụng (hoàn thiện sau trúng tuyển) của người dự tuyển; ra quyết định tuyển dụng. Người trúng tuyển đến đơn vị đã trúng tuyển thực hiện kí kết hợp đồng lao động và tiếp nhận công việc.	- Trước 29/4/2026 - Trước 29/5/2026	Cổng thông tin điện tử Sở; niêm yết tại trụ sở Sở GDĐT	
9	Tổ chức chấm bài sát hạch Đối tượng 2	Trước 10/5/2026		
10	- Thông báo kết quả sát hạch Đối tượng 2; Thông báo chỉ tiêu tuyển dụng còn lại; tiếp nhận thông tin điều chỉnh nguyện vọng dự tuyển; - Tiếp nhận Hồ sơ tuyển	- Trước 12/5/2026 - Trước	Cổng thông tin điện tử Sở; niêm yết tại trụ sở Sở GDĐT	

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
	dụng (hoàn thiện sau trúng tuyển) của người dự tuyển; ra quyết định tuyển dụng. Người được tiếp nhận đến đơn vị tiếp nhận thực hiện kí kết hợp đồng lao động và tiếp nhận công việc.	11/6/2026		
11	Nhận đơn phúc khảo, chấm phúc khảo, thông báo kết quả phúc khảo Đối tượng 2	Trước 27/5/2026	Trụ sở Sở GDĐT, Cổng thông tin điện tử Sở	
12	Tổ chức thi vòng 2 đối với Đối tượng 3	Trước 03/6/2026	Đơn vị đặt địa điểm theo Thông báo của Sở GDĐT	<i>Người dự thi vòng 2 có mặt theo thông báo triệu tập, khi đi mang theo bản chính CCCD.</i>
13	Tổ chức chấm thi, công bố kết quả, thông báo nhận đơn phúc khảo vòng 2 Đối tượng 3	Trước 08/6/2026	Đơn vị đặt địa điểm theo Thông báo của Sở GDĐT	
14	Nhận đơn phúc khảo; Tổ chức chấm phúc khảo, thông báo kết quả phúc khảo vòng 2 cho Đối tượng 3	Trước 24/6/2026	Cổng thông tin điện tử của Sở; niêm yết tại trụ sở Sở GDĐT và gửi trực tiếp cho người dự thi theo địa chỉ đã đăng ký	

4. Các nội dung khác

- Hội đồng tuyển dụng báo cáo, tham mưu Giám đốc Sở GDĐT thực hiện các nội dung: công nhận kết quả tuyển dụng; thông báo kết quả đến người trúng tuyển; tiếp nhận Hồ sơ tuyển dụng (hoàn thiện sau trúng tuyển) của người dự tuyển; ra quyết định tuyển dụng theo quy định của pháp luật.

- Thông báo và tiếp nhận thông tin điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển đối với các vị trí việc làm không có người dự tuyển hoặc chưa đủ số lượng cần tuyển dụng;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả tuyển dụng.

VIII. KINH PHÍ

- Dự toán kinh phí chi cho công tác tổ chức tuyển dụng: 4,7 tỷ đồng.

- Nguồn thu lệ phí từ người dự tuyển (dự kiến): 300 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí đề nghị cấp bổ sung từ ngân sách: 4,4 tỷ đồng.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GDĐT

1.1. Hội đồng tuyển dụng viên chức

- Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

- Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Kế hoạch, đúng quy định tại Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các quy định khác của pháp luật; tổng hợp kết quả tuyển dụng, báo cáo Giám đốc Sở GDĐT quyết định phê duyệt.

1.2. Ban giám sát: Ban giám sát được thành lập và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

1.3. Phòng Tổ chức cán bộ

- Tham mưu Giám đốc Sở thành lập Hội đồng tuyển dụng. Tham mưu Hội đồng tuyển dụng thành lập các ban và bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định.

- Tham mưu thông báo tuyển dụng.

- Tham mưu thành lập Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

- Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ Hội đồng tuyển dụng.

- Là đơn vị thường trực của Hội đồng tuyển dụng, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng nội dung, thời gian của Kế hoạch đảm bảo việc tổ chức tuyển dụng an toàn, nghiêm túc, khách quan, công bằng, chất lượng và đúng quy chế.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thông báo và niêm yết công khai kế hoạch, số lượng, cơ cấu, điều kiện, lịch, thời gian, công khai mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển, tài liệu ôn tập trên các phương tiện thông tin đại chúng; tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, hồ sơ trúng tuyển, hồ sơ viên chức theo đúng quy định.

- Dự trù kinh phí tổ chức tuyển dụng và thanh quyết toán; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyển dụng theo quy định.

- Tham mưu Giám đốc Sở phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng; công nhận kết quả kỳ xét tuyển viên chức sau khi có báo cáo của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng.

- Tham mưu Giám đốc Sở GDĐT ban hành quyết định tuyển dụng viên chức.
- Kịp thời xin ý kiến, báo cáo Sở Nội vụ về những vấn đề phát sinh trong quá trình tuyển dụng.

1.4. Văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- **Phòng Kế hoạch và Tài chính:** Phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ lập dự toán trình Sở Tài chính thẩm định cấp kinh phí tổ chức tuyển dụng; phụ trách công tác thu, nộp lệ phí và quản lý kinh phí tuyển dụng theo quy định hiện hành; thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở GDĐT phân công.

- **Văn phòng:** Tham mưu Giám đốc Sở ban hành Quyết định thành lập Ban Giám sát, thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định; phối hợp Phòng Tổ chức cán bộ niêm yết, đăng tải Kế hoạch tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Liên hệ, hợp đồng với Báo và PTTH Quảng Trị để đăng tải Thông báo tuyển dụng viên chức; thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở GDĐT phân công.

- **Phòng Quản lý chất lượng, Giáo dục phổ thông, Giáo dục mầm non:** Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ cử thành phần tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở GDĐT phân công.

2. Đề nghị Sở Nội vụ

- Phối hợp, hướng dẫn các nội dung liên quan đến kỳ tuyển dụng theo đề nghị.
- Cử đại diện tham gia Ban Giám sát kì tuyển dụng.

3. Đề nghị Sở Tài chính

- Phối hợp tham mưu bảo đảm kinh phí tổ chức tuyển dụng theo quy định.
- Hướng dẫn Sở GDĐT thực hiện thu lệ phí dự tuyển và quyết toán các nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đề nghị Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Y tế, Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan liên quan

- Phối hợp trong công tác truyền thông về kế hoạch tuyển dụng; giữ gìn an ninh, an toàn, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng quy định trong quá trình tuyển dụng;
- Tham gia, phối hợp trong một số nội dung cụ thể khi thực hiện kế hoạch tuyển dụng theo đề nghị của Sở GDĐT.

5. Đề nghị các xã, phường

- Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; hướng dẫn cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý ký kết hợp đồng lao động với người có quyết định tuyển dụng; hướng dẫn phân công hướng dẫn tập sự; bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với người trúng tuyển; thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức theo phân cấp.

- Báo cáo, đề xuất Giám đốc Sở GDĐT hủy bỏ kết quả trúng tuyển đối với người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển; đề nghị Sở GDĐT hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người được tuyển dụng không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng.

6. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

- Niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị để thí sinh và nhân dân biết, thực hiện, giám sát.

- Giới thiệu, cử nhân sự tham gia các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo yêu cầu; thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng.

- Báo cáo Sở GDĐT (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở) hoặc Ủy ban nhân dân các xã, phường (đối với các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường) khi người trúng tuyển không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định tuyển dụng.

- Các đơn vị đặt địa điểm tổ chức tuyển dụng (Sở GDĐT có thông báo sau): chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo khác cho các khâu của kỳ tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 của Sở GDĐT. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở GDĐT (qua Phòng Tổ chức cán bộ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế;
- Báo và PTTTH Quảng Trị;
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Văn phòng, các phòng thuộc Sở;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

(Ảnh 4x6)	<p>PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN</p> <p>Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:</p> <p>Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:</p>
I. THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ và tên:	
Ngày, tháng, năm sinh: Nam ⁽³⁾ <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>	
Dân tộc: Tôn giáo:	
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: Ngày cấp: Nơi cấp:	
Số điện thoại di động: Email:	
Quê quán:	
Địa chỉ nhận thông báo:	
Thông tin về hộ khẩu (nếu có):	
Tình trạng sức khỏe: Chiều cao:; Cân nặng:kg	
Trình độ văn hóa:	
Trình độ chuyên môn:	

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH⁽⁴⁾

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước);
-------------	-----------	-----------------------	---

			thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Nguyên vọng 1:

- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾;

- Đơn vị ⁽²⁾;

2. Nguyên vọng 2 (Nếu thông báo tuyển dụng không có các vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng thì thí sinh không điền phần này):

- Vị trí việc làm dự tuyển ⁽¹⁾;

.....

- Đơn vị ⁽²⁾;

.....

3. Đăng ký dự thi môn ngoại ngữ (Đối với các vị trí việc làm tại thông báo tuyển dụng không yêu cầu ngoại ngữ thì thí sinh không điền phần này)

3.1. Đăng ký dự thi ngoại ngữ ⁽⁵⁾:

Tiếng Anh Tiếng Nga Tiếng Pháp Tiếng Đức Tiếng Trung Quốc

Ngoại ngữ khác theo yêu cầu vị trí việc làm:

.....

3.2. Miễn thi ngoại ngữ do (nếu có):

.....

4. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi nhận được thông báo trúng tuyển.

Ghi chú:

1. Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;
2. Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký tuyển dụng đối với từng nguyện vọng theo đúng Thông báo tuyển dụng;
3. Tích dấu X vào ô tương ứng;
4. Cha, mẹ đẻ; vợ (chồng); con đẻ; anh, chị, em ruột;
5. Tích dấu X vào ô tương ứng.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1
CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III

TT	Tên đơn vị	Biên chế hiện có	Biên chế được giao	Số lượng chỉ tiêu tuyển dụng	Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Vị trí việc làm tuyển dụng	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
1	Phường Đồng Hới	258	259	1		Giáo viên mầm non hạng III	Cao đẳng trở lên ngành Sư phạm mầm non
1	Trường MN Nam Lý	46	47	1			
2	Phường Đồng Thuận	95	100	2			
1	Trường MN Quang Phú	16	17	1			
2	Trường MN Lộc Ninh	35	38	1			
3	Phường Đồng Sơn	114	116	1			
1	Trường MN Nghĩa Ninh	25	26	1			
4	Xã Thượng Trạch	26	29	3			
1	Trường MN Tân Thượng	26	29	3	1		
5	Xã Phong Nha	155	163	7			
1	Trường MN Phong Nha	55	60	7	2		
6	Xã Bố Trạch	148	149	1			
1	Trường MN Hưng Bình	27	28	1	1		
7	Xã Tà Rụt	83	85	2			
1	Trường MN A Vao	27	28	1	1		
2	Trường MN Húc Nghi	18	19	1			
8	Xã Hướng Lập	35	37	2			
1	Trường MN Hướng Lập	17	18	1	1		
2	Trường MN Hướng Việt	18	19	1	1		
10	Xã Diên Sanh	87	88	1			
1	Trường MN Hải Thọ	24	25	1			
Tổng				20	7		

Phụ lục 2

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng		
Toàn tỉnh		9118	9345	101	5	3	4	17	56	186	75	
1	Phường Đồng Thuận	129	133	0	0	0	0	0	2	2		1. Đối với GV dạy Văn hóa: Đại học Giáo dục tiểu học trở lên. 2. Đối với GV dạy Âm nhạc: - Đại học sư phạm Âm nhạc trở lên; - Cử nhân Âm nhạc, Thanh nhạc và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV tiểu học theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 3. Đối với GV dạy Mỹ Thuật: - Đại học sư phạm Mỹ thuật trở lên; - Cử nhân ngành Mỹ thuật và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV tiểu học theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 4. Đối với GV dạy Giáo dục thể chất: - Đại học sư phạm Giáo dục thể chất trở lên; - Cử nhân các chuyên ngành thể dục, thể thao và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV tiểu học theo Chương trình
1	Trường TH Lộc Ninh	43	44						1	1		
2	Trường TH&THCS Quang Phú	13	14						1	1		
2	Phường Đồng Sơn	120	127	3	0	0	0	0	2	5	01	
1	Trường TH Bắc Nghĩa	25	28						1	1		
2	Trường TH Nghĩa Ninh	24	25	1						1		
3	Trường TH&THCS Thuận Đức	9	12	2					1	3	01 Văn hóa	
3	Phường Ba Đồn	150	152	1	0	0	0	0	1	2		
1	Trường TH số 2 Ba Đồn	33	34						1	1		
2	Trường TH&THCS Quảng Hải	14	15	1						1		
4	Phường Bắc Gianh	141	148	0	0	0	0	0	2	2		
1	Trường TH số 1 Quảng Phúc	31	32						1	1		
2	Trường TH Quảng Thuận	33	34						1	1		
5	Xã Nam Gianh	168	178	5	0	0	0	1	0	6	02	
1	Trường TH số 1 Quảng Hoà	30	32	2						2		
2	Trường TH số 2 Quảng Hoà	19	20	1						1		
3	Trường TH Quảng Minh	38	42	1						1		
4	Trường TH Quảng Văn	31	34	1				1		2	01 Văn hóa;	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng			
											01 Tiếng Anh	do Bộ GDĐT ban hành.	
6	Xã Nam Ba Đồn	115	124	8	0	0	0	0	0	0	8	04	5. Đối với GV dạy Tiếng Anh:
1	Trường TH Quảng Trung	26	29	2							2	01 Văn hóa	- Đại học sư phạm Tiếng Anh, Đại học sư phạm song ngữ trong đó có tiếng Anh;
2	Trường TH Quảng Tiên	24	27	3							3	01 Văn hóa	
3	Trường TH&THCS Quảng Thủy	15	17	2							2	01 Văn hóa	- Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Cử nhân ngành tiếng Anh và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV tiểu học theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.
4	Trường TH&THCS Quảng Tân	14	15	1							1	01 Văn hóa	
7	Xã Dân Hóa	132	133	0	0	0	0	1	0	1			6. Đối với GV dạy Tin học:
1	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Dân Hoá	30	31					1			1		- Đại học sư phạm Tin học, Đại học sư phạm Toán – Tin;
8	Xã Kim Điền	47	49	0	0	0	0	0	1	1		01	- Cử nhân Tin học, Cử nhân Toán – Tin, Cử nhân Công nghệ thông tin và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV tiểu học theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.
1	Trường TH Hóa Hợp	30	32						1	1	1	01 Tin học	
9	Xã Minh Hóa	123	126	1	0	0	0	2	0	3		01	
1	Trường TH Quy Đạt	40	41					1		1	1		
2	Trường TH Xuân Hóa	21	23	1				1		2	2	01 Tiếng Anh	
10	Xã Tuyên Lâm	60	68	3	1	1	0	1	2	8		05	
1	Trường TH Thanh Lạng	20	23	1	1					1	3	01 Văn hóa; 01 Âm nhạc; 01 Tin học	
2	Trường TH Bắc Sơn	22	24	1		1					2	01 Văn hóa; 01 Mỹ thuật	
3	Trường PTDTBT TH&THCS Lâm Hóa	18	21	1				1	1	3			
11	Xã Tuyên Sơn	40	44	2	0	0	0	2	0	4		02	
1	Trường TH Hương Hoá	24	26					2		2	2	01 Tiếng Anh	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng		
2	Trường TH Thanh Thạch	16	18	2						2	01 Văn hóa	
12	Xã Đồng Lê	137	148	8	0	0	0	0	3	11	04	
1	Trường TH số 1 Đồng Lê	25	29	2					1	3		
2	Trường TH Sơn Hóa	22	24	2						2	01 Văn hóa	
3	Trường TH Kim Lũ	21	25	3					1	4	01 Văn hóa; 01 Tin học	
4	Trường TH Tân Thủy	15	19	1					1	2	01 Tin học	
13	Xã Tuyên Bình	87	88	1	0	0	0	0	0	1	01	
1	Trường TH&THCS Ngr Hóa	7	8	1						1	01 Văn hóa	
14	Xã Tuyên Phú	90	100	10	0	0	0	0	0	10	03	
1	Trường TH Đồng Hóa	22	26	4						4	01 Văn hóa	
2	Trường TH Thiết Sơn	16	18	2						2	01 Văn hóa	
3	Trường TH Huyền Thủy	16	18	2						2	01 Văn hóa	
4	Trường TH&THCS Nam Hóa	9	11	2						2		
15	Xã Tân Gianh	106	107	1	0	0	0	0	0	1	01	
1	Trường TH Quảng Thanh	25	26	1						1	01 Văn hóa	
16	Xã Trung Thuần	75	78	1	1	0	0	0	1	3	01	
1	Trường TH Quảng Lưu	28	30	1					1	2	01 Tin học	
2	Trường TH Quảng Thạch	22	23		1					1		
17	Xã Quảng Trạch	188	191	0	0	0	0	0	3	3	02	
1	Trường TH Số 1 Quảng Xuân	37	37						1	1		
2	Trường TH số 2 Quảng	25	26						1	1	01 Tin học	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng			
	Xuân												
3	Trường TH Quảng Phương	44	45						1	1	01 Tin học		
18	Xã Phú Trạch	135	140	2	0	0	1	0	2	5	02		
1	Trường TH Quảng Đông	30	32	1					1	2	01 Tin học		
2	Trường TH số 1 Quảng Phú	34	36	1					1	2			
3	Trường TH&THCS Quảng Kim	16	17				1			1	01 Giáo dục thể chất		
19	Xã Thượng Trạch	66	71	1	0	1	0	2	1	5	02		
1	Trường TH số 1 Thượng Trạch	28	29					1		1	01 Tiếng Anh		
2	Trường PTDTBT TH&THCS Tân Trạch	6	10	1		1		1	1	4	01 Tin học		
20	Xã Phong Nha	221	233	3	0	0	0	1	7	11	06		
1	Trường TH số 1 Phong Nha	27	28						1	1			
2	Trường TH số 2 Phong Nha	29	31						1	1			
3	Trường TH số 3 Phong Nha	23	26	2					1	3	01 Văn hóa; 01 Tin học		
4	Trường TH số 2 Phúc Trạch	24	25						1	1			
5	Trường TH số 3 Phúc Trạch	21	23	1					1	2	01 Văn hóa; 01 Tin học		
6	Trường TH số 1 Xuân Trạch	19	20						1	1			
7	Trường TH số 2 Xuân Trạch	21	22						1	1	01 Tin học		
8	Trường TH Lâm Trạch	24	25					1		1	01 Tiếng Anh		
21	Xã Bắc Trạch	130	137	4	0	0	0	0	2	6	03		

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng			
1	Trường TH Bắc Trạch	29	30							1	1	01 Tin học	
2	Trường TH số 1 Thanh Trạch	32	34	1							1		
3	Trường TH số 2 Thanh Trạch	17	18	1							1		
4	Trường TH Hạ Trạch	19	20	1							1		
5	Trường TH Liên Trạch	19	20							1	1	01 Tin học	
6	Trường TH&THCS Mỹ Trạch	14	15	1							1	01 Văn hóa	
22	Xã Đông Trạch	119	132	8	0	0	0	0	0	5	13	06	
1	Trường TH Hải Trạch	35	38	2						1	3		
2	Trường TH Phú Trạch	15	19	3						1	4	01 Văn hóa; 01 Tin học	
3	Trường TH Đồng Trạch	23	24							1	1		
4	Trường TH Đức Trạch	33	36	2						1	3	01 Văn hóa; 01 Tin học	
5	Trường TH&THCS Sơn Lộc	13	15	1						1	2	01 Văn hóa; 01 Tin học	
23	Xã Hoàn Lão	186	199	6	0	0	0	0	0	7	13	05	
1	Trường TH Trung Trạch	21	23	1						1	2	01 Văn hóa; 01 Tin học	
2	Trường TH số 1 Hoàn Lão	28	30	1						1	2		
3	Trường TH số 2 Hoàn Lão	29	31	1						1	2		
4	Trường TH số 3 Hoàn Lão	18	20	1							1		
5	Trường TH số 1 Đại Trạch	19	20	1						1	2		
6	Trường TH số 2 Đại Trạch	22	23							1	1		

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng			
7	Trường TH Hòa Trạch	24	26	1						1	2	01 Văn hóa; 01 Tin học	
8	Trường TH Tây Trạch	25	26							1	1	01 Tin học	
24	Xã Bồ Trạch	152	166	5	1	0	1	1	5	13	06		
1	Trường TH&THCS Hưng Trạch	6	9	3							3	01 Văn hóa	
2	Trường TH Vạn Trạch	33	35	0						1	1	01 Tin học	
3	Trường TH Phú Định	16	18					1	1	2	01 Tin học		
4	Trường TH số 4 Hưng Trạch	25	27	1						1	2	01 Văn hóa; 01 Tin học	
5	Trường TH Số 1 Hưng Trạch	30	32				1		1	2			
6	Trường TH số 1 Cự Năm	26	27	1							1		
7	Trường TH số 2 Cự Năm	16	18		1					1	2	01 Tin học	
25	Xã Nam Trạch	136	140	1	0	0	0	0	4	5	02		
1	Trường TH Nhân Trạch	30	31							1	1	01 Tin học	
2	Trường TH Nam Đình	32	32							1	1		
3	Trường TH&THCS Nam Trạch	14	13							1	1		
4	Trường TH&THCS Nhân Trạch	13	15							1	1	01 Tin học	
5	Trường TH&THCS Bắc Đình	17	18	1							1		
26	Xã Ninh Châu	101	115	6	1	1	0	1	3	12	03		
1	Trường TH Hải Ninh	24	33	4	1	1		1	1	8	02 Văn hóa; 01 Tin học		
2	Trường TH Duy Ninh	28	30	1						1	2		

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng			
3	Trường TH Gia Ninh	29	31	1						1	2		
27	Xã Trường Ninh	135	138	1	0	0	0	0	0	0	1		
1	Trường TH&THCS Long Đại	9	12	1							1		
28	Xã Trường Sơn	87	89	0	0	0	0	1	1	2	01		
1	Trường PTDTBT TH Trường Sơn	33	34					1		1			
2	Trường TH Long Sơn	33	34						1	1	01 Tin học		
29	Xã Lệ Thủy	233	235	0	0	0	0	0	1	1			
1	Trường TH Xuân Thủy	20	22						1	1			
30	Xã Cam Hồng	106	108	0	0	0	0	0	1	1	01		
1	Trường TH số 1 Hồng Thủy	18	19						1	1	01 Tin học		
31	Xã Sen Ngư	87	91	2	0	0	0	0	0	2	01		
1	Trường TH số 2 Sen Thủy	12	13	1						1			
2	Trường TH&THCS số 2 Ngư Thủy	10	12	1						1	01 Văn hóa		
32	Xã La Lay	58	66	7	0	0	1	0	0	8	04		
1	Trường TH&THCS A Ngo	28	33	4			1			5	02 Văn hóa		
2	Trường TH&THCS A Bung	30	33	3						3	02 Văn hóa		
33	Xã Tà Rụt	101	108	4	1	0	0	2	0	7	03		
1	Trường TH Tà Rụt	44	46	2						2	01 Văn hóa		
2	Trường TH&THCS Húc Nghi	19	24	2	1			2		5	01 Văn hóa; 01 Tiếng Anh		
34	Xã Đakrông	171	175	0	0	0	0	1	0	1	01		

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng							Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
		Hiện có	Được giao	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Giáo dục thể chất	Tiếng Anh	Tin học	Tổng		
1	Trường TH Tà Long	49	52					1		1	01 Tiếng Anh	
35	Xã Hướng Hiệp	121	122	0	0	0	1	0	0	1		
1	Trường TH số 1 Hướng Hiệp	35	36				1			1		
36	Xã Khe Sanh	189	190	1	0	0	0	0	0	1		
1	Trường TH Hướng Tân	34	35	1						1		
37	Xã Tân Lập	101	104	2	0	0	0	1	0	3		
1	Trường PTDTBT TH&THCS Hướng Lộc	33	36	2				1		3		
38	Xã Triệu Cơ	76	80	2	0	0	0	0	0	2		
1	Trường TH&THCS Triệu Trung	23	25	1						1		
2	Trường TH&THCS Triệu Lăng	22	23	1						1		
39	Xã Diên Sanh	83	84	1	0	0	0	0	0	1		
1	Trường TH&THCS Hải Trường	22	23	1						1		
40	Xã Nam Hải Lăng	88	90	1	0	0	0	0	0	1		
1	Trường TH&THCS Hải Chánh	32	33	1						1		

Phụ lục 3

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG III

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
				Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ			Nghệ thuật
		Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học				Sinh học	Âm nhạc	Mĩ thuật						
Toàn tỉnh		7113	7309	24	12	12	21	35	5	5	14	3	7	7	2	3	0	151	61	1. Đối với GV dạy môn Ngữ văn: - Đại học sư phạm: Ngữ văn, Văn – Sử, Văn – Địa, Văn – Giáo dục công dân trở lên; - Cử nhân ngành Ngữ văn, Văn học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 2. Đối với GV dạy môn Lịch sử và Địa lí (Lịch sử): - Đại học sư phạm:
1	Phường Đồng Thuận	108	116	1	1	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	
1	Trường THCS số 2 Bắc Lý	22	24		1														1	
2	Trường THCS Lộc Ninh	30	34	1			1												2	
3	Trường TH&THCS Quang Phú	17	19			1	1												2	
2	Phường Đồng Sơn	94	96	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
1	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	37	38					1											1	
3	Phường Ba Đồn	127	128	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
1	Trường THCS Nguyễn Hàm Ninh	28	29			1													1	
4	Phường Bắc Giang	104	106	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
1	Trường THCS Quảng Phúc	33	35						1										1	01 Tin học

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo		
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng	
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật				
5	Xã Nam Gianh	109	117	3	0	0	0	4	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	8	01	Lịch sử và Địa lí, Lịch sử, Văn - Sử, Sử - Địa, Sử - Giáo dục công dân trở lên; - Cử nhân ngành Lịch sử và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 3. Đối với GV dạy môn Lịch sử và Địa lí (Địa lí): - Đại học sư phạm: Lịch sử và Địa lí, Địa lí, Văn - Địa, Sử - Địa, Địa - Giáo dục công dân trở lên; - Cử nhân ngành Địa lí và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
1	Trường THCS Quảng Hòa	33	35	1				1											2		
2	Trường THCS Quảng Lộc	30	33	1				1		1									3		
3	Trường THCS Quảng Minh	25	26					1											1		
4	Trường THCS Quảng Văn	21	23	1				1											2	01 Toán	
6	Xã Nam Ba Đồn	101	104	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	02	
1	Trường THCS Quảng Sơn	26	29	1	1								1						3	01 Ngữ văn 01 GDGD	
7	Xã Kim Điền	37	38	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	01	
1	Trường THCS Hóa Hợp	19	20				1												1	01 Tiếng Anh	
8	Xã Minh Hóa	109	112	1	0	1	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	5	01	
1	Trường THCS Hồng Hóa	19	20											1					1	01 GDTC	
3	Trường THCS Quy Đạt	26	28	1			2												3		
5	Trường PTDTNT THCS Minh Hóa	24	24			1													1		
9	Xã Tuyên Lâm	33	37	1	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	4	02	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật			
1	Trường THCS Thanh Hóa	16	19	1							1	1						3	01 Ngữ văn 01 KHTN (Sinh)	dành cho GV trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 4. Đối với GV dạy môn Tiếng Anh: - Đại học sư phạm Tiếng Anh, Đại học sư phạm song ngữ trong đó có tiếng Anh trở lên; 5. Đối với GV dạy môn Toán: - Đại học sư phạm Toán, Toán – Tin, Toán – Lí trở lên; - Cử nhân ngành
2	Trường PTDTBT TH&THCS Lâm Hóa	17	18								1							1		
10	Xã Tuyên Sơn	29	34	0	1	0	2	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	5	03	
1	Trường THCS Hương Hoá	16	18		1		1											2	01 LS&ĐL	
2	Trường THCS Thanh Thạch	13	16				1				1			1				3	01 Tiếng Anh 01 KHTN	
11	Xã Đồng Lê	113	116	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	3	02	
1	Trường THCS Kim Hóa	26	27								1							1	01 KHTN	
2	Trường THCS Sơn Hóa	19	20			1												1	01 LS&ĐL	
3	Trường THCS Đồng Lê	35	36	1														1		
12	Xã Tuyên Bình	64	70	1	1	0	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	6	03	
1	Trường THCS Mai Hoá	30	33	1			1			1								3	01 Tiếng Anh	
2	Trường THCS Phong Hóa	25	27		1		1											2	01 LS&ĐL	
3	Trường TH&THCS Ngu	9	10											1				1	01 GDTC	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo		
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng	
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật				
18	Xã Hòa Trạch	90	94	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	02	học tự nhiên (Vật lí): - Đại học sư phạm Khoa học tự nhiên, Đại học sư phạm Vật lí trở lên; - Cử nhân ngành Vật lí và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành. 8. Đối với GV dạy môn Khoa học tự nhiên (Hóa học): - Đại học sư phạm Khoa học tự nhiên, Đại học sư phạm Hóa học, Đại học sư phạm Hóa - Sinh trở lên; - Cử nhân ngành Hóa học, Sinh - Hóa
1	Trường THCS Quảng Châu	29	32	1			1												2	01 Ngữ văn	
2	Trường THCS Quảng Tùng	28	29				1												1	01 Tiếng Anh	
19	Xã Phú Trạch	92	98	2	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	6	03	
1	Trường THCS Quảng Đông	19	21	1				1											2	01 Ngữ văn	
2	Trường THCS Quảng Phú	33	35	1				1											2	01 KHTN	
3	Trường THCS Quảng Hợp	24	25							1									1		
4	Trường TH&THCS Quảng Kim	16	17					1											1	01 Toán	
20	Xã Thượng Trạch	38	44	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	4		
1	Trường PTDTBT TH&THCS Tân Trạch	11	17	1			1					1				1			4		
21	Xã Phong Nha	118	133	1	0	0	2	5	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	11	04	
1	Trường THCS Phong Nha	47	49				1							1					2		
2	Trường THCS Phúc Trạch	33	41	1			1	3			1								6	01 Ngữ văn 01 Tiếng Anh	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo		
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng	
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật				
2	Trường THCS Hòa Trạch	22	24			1							1						2	01 GDCD	đục công dân: Đại học sư phạm Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục công dân - Giáo dục quốc phòng trở lên. 11. Đối với GV dạy môn Giáo dục thể chất: - Đại học sư phạm Giáo dục thể chất, Giáo dục thể chất – Quốc phòng trở lên; - Cử nhân các chuyên ngành thể dục, thể thao và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học cơ sở theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.
25	Xã Bố Trạch	126	134	3	1	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	04	
1	Trường TH&THCS Hưng Trạch	12	15		1		1	1											3	01 Tiếng Anh 01 Toán	
2	Trường THCS Phú Định	19	20	1															1	01 Ngữ văn	
3	Trường THCS Cự Năm	26	27					1											1		
4	Trường THCS số 2 Hưng Trạch	24	25	1															1	01 Ngữ văn	
5	Trường THCS Hưng Trạch	18	20	1															1		
26	Xã Nam Trạch	117	127	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	6	02		
1	Trường THCS Lý Trạch	23	27										1	1	1				3	01 Công nghệ	
2	Trường TH&THCS Bắc Dinh	19	21	1							1								2	01 KHTN	
3	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Rền	16	16		1														1		
27	Xã Ninh Châu	92	98	0	1	1	0	2	0	0	0	0	1	0	0	1	0	6	02		

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật			
	THCS Trung Nam																			
2	Trường TH & THCS Vĩnh Hoà	16	17			1													1	
37	Xã Cồn Tiên	50	50	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
1	Trường THCS Gio Sơn	26	26		1														1	
38	Xã La Lay	45	47	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	01
1	Trường TH&THCS A Bung	21	24					1											1	01 Toán
39	Xã Tà Rụt	42	49	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	02
1	Trường TH&THCS Húc Nghi	15	17		1				1										2	01 Tin học
2	Trường PTDTBT TH&THCS A Vao	27	32				1	1											2	01 Tiếng Anh
40	Xã Đakrông	92	96	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	01
1	Trường THCS Đakrông	34	36								1								1	01 KHTN
41	Xã Ba Lòng	29	33	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	3	03	
1	Trường TH &THCS Ba Lòng	15	17			1									1				2	01 LS&DL 01 Công nghệ
2	Trường TH &	14	16						1										1	01 Tin học

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng														Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật				Tổng
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật			
	THCS Triệu Nguyên																			
42	Xã Hướng Hiệp	99	103	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	
1	Trường THCS Hướng Hiệp	26	27	1															1	
2	Trường THCS thị trấn Krông Klang	30	31								1								1	
43	Xã Khe Sanh	162	165	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	01
1	Trường THCS Khe Sanh	52	53										1						1	
2	Trường THCS Hướng Tân	23	23																0	
3	Trường PTDTBT THCS Húc	26	27					1											1	
4	Trường TH&THCS Tân Hợp	30	31					1											1	01 Toán
5	Trường PTDT Nội trú	31	31																0	
44	Xã Tân Lập	77	78	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	01
1	Trường THCS Tân Lập	28	29					1											1	01 Toán
45	Xã Lao Bảo	103	109	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	4	01
3	Trường THCS Lao	55	61			1			1					1		1			4	01 Âm nhạc

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng															Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử và Địa lí		Tiếng Anh	Toán	Tin học	Khoa học tự nhiên			Giáo dục công dân	Giáo dục thể chất	Công nghệ	Nghệ thuật		Tổng			
					Lịch sử	Địa lí				Vật lí	Hóa học	Sinh học				Âm nhạc	Mĩ thuật				
	Bảo																				
46	Xã Diên Sanh	107	108	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1			
1	Trường TH&THCS Bùi Dục Tài	29	30										1					1			

Phụ lục 4

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG III

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng các môn học											Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đợt 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử	Toán	Tiếng Anh	Giáo dục thể chất	GDQP&AN	Địa lí	GDKT&PL	Âm nhạc	Hóa học	Tổng		
Cấp THPT		3636	3702	15	7	8	8	0	1	4	3	2	1	49	19	<p>1. Đối với GV dạy môn Ngữ văn: - Đại học sư phạm Ngữ văn, trở lên; - Cử nhân ngành Ngữ văn, Văn học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học phổ thông theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.</p> <p>2. Đối với GV dạy môn Lịch sử: - Đại học sư phạm Lịch sử trở lên; - Cử nhân ngành Lịch sử và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học phổ thông theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.</p> <p>3. Đối với GV dạy môn Toán: - Đại học sư phạm Toán trở lên; - Cử nhân ngành Toán học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học phổ thông theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.</p> <p>4. Đối với GV dạy môn Tiếng Anh: - Đại học sư phạm Tiếng Anh, Đại học sư phạm song ngữ trong đó có tiếng Anh trở lên; - Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Cử nhân ngành tiếng Anh và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học</p>
1	Trường THPT Minh Hóa	47	50			1	1							2	01 Toán	
2	Trường THCS và THPT Hóa Tiến	42	51	3		3						1		7	01 Ngữ văn 02 Toán 01 Âm nhạc	
3	Trường THCS và THPT Trung Hóa	39	44	3	1									4	02 Ngữ văn	
4	Trường THPT Lê Trục	54	56	1						1				2		
5	Trường THCS và THPT Bắc Sơn	41	46	2	1		2							5	01 Ngữ văn 01 Lịch sử 01 Tiếng Anh	
6	Trường THPT Quang Trung	91	98	2	1		1					1		5	01 Ngữ văn 01 Âm nhạc	

TT	Tên đơn vị	Số biên chế		Số lượng giáo viên có nhu cầu tuyển dụng các môn học										Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đợt 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo	
		Hiện có	Số được giao	Ngữ văn	Lịch sử	Toán	Tiếng Anh	Giáo dục thể chất	GDQP&AN	Địa lí	GDKT&PL	Âm nhạc	Hóa học			Tổng
15	Trường THCS và THPT Đakrông	53	58	1			1			1	1			4	01 Tiếng Anh 01 Địa lí	9. Chỉ tiêu GV dạy môn Âm nhạc: - Chỉ tiêu số lượng GV dạy Âm nhạc từ trên; - Cán bộ nhân viên Âm nhạc, Thanh nhạc và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV trung học phổ thông theo Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.
16	Trường THPT Lao Bảo	43	44								1			1	01 GDKT&PL	
17	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	86	92				1			1			1	4		

Phụ lục 5

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN

TT	Tên trường	Xã	Nhân viên tuyển dụng				Số lượng chỉ tiêu tiếp nhận Đối tượng 2	Yêu cầu cụ thể về trình độ, chuyên ngành đào tạo
			Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị, thí nghiệm		
1	Trường THCS Phúc Trạch	Phong Nha				1	1	<p>1. Vị trí nhân viên Kế toán: Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán; ngành Tài chính – Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính tín dụng.</p> <p>2. Vị trí nhân viên Văn thư: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành Văn thư hành chính, Văn thư - Lưu trữ, Lưu trữ, Lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư.</p> <p>3. Vị trí nhân viên Thiết bị, thí nghiệm: Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành liên quan đến khoa học tự nhiên như Vật lý, Hóa học, Sinh học; các chuyên ngành liên quan đến kỹ thuật và công nghệ như Công nghệ thiết bị, Điện tử, Điện - Điện tử, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin; các chuyên ngành liên quan đến công nghệ sinh học.</p> <p>4. Vị trí nhân viên Thư viện: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.</p>
2	Trường THCS Mỹ Thủy	Tân Mỹ	1				1	
3	Trường MN A Ngo	La Lay		1			1	
4	Trường TH&THCS Húc Nghi	Tà Rụt			1		1	
5	Trường TH&THCS Tân Thành	Lao Bảo		1			1	
6	Trường THCS&THPT Hóa Tiến	Tân Thành		1			1	
7	Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Bình		1			1	
8	Trường THPT Quang Trung	Phú Trạch		1			1	
9	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Lệ Ninh		1			1	
10	Trường THPT Minh Hóa	Minh Hóa		1			1	
Tổng			1	7	1	1	10	